

Đậu ván trắng (Bạch biến đậu)

Hoắc hương

Hương nhu

Mộc qua

9.2. Thuốc thanh giải thử nhiệt :

Dưa hấu (vỏ ngoài xanh và trắng)

10. Thuốc lợi thấp

10.1 Thuốc thấm thấp :

Bí đao (hạt và vỏ)

Biền súc

Địa phu tử

Đông quỳ tử

Hoạt thạch

Mã đề (cà cây)

Đậu đũa nhỏ (Xích tiêu đậu)

Mộc thông

Phòng kỵ

Phục linh (Trư linh)

Thông thảo

Trạch ta

Tỳ giải

Ý dĩ

10.2. Thuốc trục thủy :

Hạt bìm bìm biếc

11. Thuốc thanh nhiệt

11.1 Thuốc thanh nhiệt, giáng hỏa :

Cốc tinh thảo (Cô dùi trắng)

Dành dành (quá)

Hạ khô thảo

Hoàng bá

Hoàng cầm

Hoàng liên

Hồ hoàng liên

Huyền sâm

Khô sâm (rẽ)

Long đởm thảo

Mào gà trắng (hạt)= Thanh sương tử

Muồng muồng ngu (hạt) = Quyết minh tử

Ngưu hàng tử

Nha đam tử

Nhân trần

Thạch cao

Trì mẫu

11.2. Thuốc thanh nhiệt, lương huyết :

Có tranh (rẽ)

Địa cốt bì (vỏ rễ lưu)

Mẫu đơn bì

Ngân sài hồ

Sinh địa hoàng

Thanh cao

Tê giác (sừng)

Trâu đen (sừng)

12. Thuốc an thần

Bá tư nhân

Chu sa (Thần sa)

Hô phách

Táo nhân (nhân quả) = Toan táo nhân

Thạch quyết minh (cửu không) : vỏ bào ngư

Trân châu (Trai ngọc)

Viễn chí

13. Thuốc trừ đờm

13.1. Trừ đờm do lạnh :

Bối mẫu

Qua lâu (quả, vỏ quả)

Thường sơn

13.2. Trừ đờm do nóng (nhiệt) :

Bán hạ

Cải trắng (hạt) = Bạch giới tử

Bồ kết (qua)

14. Thuốc chống ho

14.1. Làm ấm phổi, chữa ho :

Bách bộ

Bạch quả

Cải củ (hạt) = La bắc tử

Cát cánh

Mơ (nhân qua) = Hạnh nhân

Khoán đông hoa